

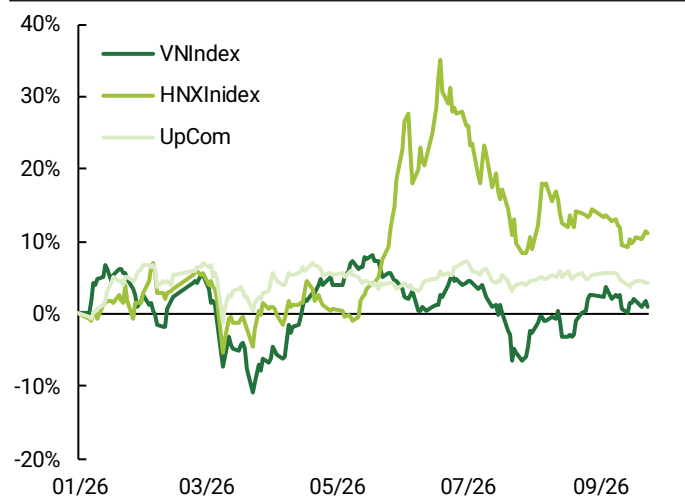
VN-Index **1801.65 (-0.84%)**
727 Tr. cổ phiếu 17888.9 Tỷ VND (36.75%)

HNX-Index **276.45 (-0.17%)**
42 Tr. cổ phiếu 612.9 Tỷ VND (-6.76%)

UPCOM-Index **126.01 (-0.10%)**
30 Tr. cổ phiếu 416.3 Tỷ VND (0.68%)

VN30F1M **1950.00 (-0.66%)**
258,960 HD OI: 29,557 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1801.7, giảm -15.3 điểm (-0.84%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Đà giảm cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Lực bán chiếm ưu thế hơn trong phiên chiều đẩy chỉ số về sắc đỏ. Nhóm Vin tạo sức ép kéo giảm chính, trong khi sắc xanh ở nhóm Ngân hàng chưa đủ để bù đắp.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bán lẻ: DGW (+3.2%), FRT (+7.0%), PET (+7.0%) | Ngân hàng: TCB (+2.6%), TPB (+3.5%), MSB (+4.8%) | Hóa chất: TPC (+2.8%), TRC (+2.8%), BFC (+3.0%) | Xây dựng và Vật liệu: VGC (+2.4%), DPG (+2.6%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: KOS (-6.9%), VIC (-3.2%), NLG (-2.5%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: PVT (-4.2%), APH (-3.5%), VTO (-1.8%) | Thực phẩm và đồ uống: MCH (-1.2%), VNM (-1.1%), SAB (-1.0%) | Tài nguyên Cơ bản: PTB (-2.4%), HPG (-0.5%), HHP (-0.3%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | TCB, LPB, GEE, MSB, HDB - Chiều giảm | VIC, VHM, VPL, VCB, GAS.
- Khối ngoại Bán ròng hơn 1000 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VPB, ACB, VHM, trong khi mua ròng VIC, TPB, DCM.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** tiếp tục rung lắc quanh vùng 1800 điểm, chịu ảnh hưởng đáng kể từ biến động của nhóm Vin. Dòng tiền từ đó cũng trở nên phân hóa hơn, trong bối cảnh nhóm vốn hóa lớn thiếu đồng thuận. Về mặt kỹ thuật, chỉ báo MACD chưa thể cắt lên đường signal, cùng RSI hạ nhiệt về gần mức trung bình, hàm ý động lượng tăng suy yếu. Sau khi thất bại tại vùng cản 1840 điểm, chỉ số nhiều khả năng cần thêm thời gian tích lũy. Ngưỡng 1775 điểm đóng vai trò hỗ trợ duy trì xu hướng, trong khi 1840 điểm vẫn là ngưỡng kỹ thuật cần vượt qua để xác nhận đà tăng.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số bước đầu thất bại trong nỗ lực vượt cản 280. Đây vẫn là ngưỡng kỹ thuật quan trọng để mở ra kỳ vọng tiếp diễn quán tính tăng. Trái lại, nếu giá quay lại mất mốc 270, đà giảm có thể mở rộng về khu vực 260 điểm.
- Chiến lược:** Nhà đầu tư nên quản trị danh mục theo tín hiệu riêng của từng cổ phiếu trước bối cảnh phân hóa. Vị thế chung nghiêng về nắm giữ. Chỉ nâng tỷ trọng khi chỉ số xác nhận vượt cản 1840 điểm, trong khi cần chủ động quản trị rủi ro nếu chỉ số đánh mất hỗ trợ 1770 điểm. Đối với giao dịch ngắn hạn (lướt sóng), có thể chú ý các nhóm ngành nổi bật như Ngân hàng, Bán lẻ, Dầu khí, Hóa chất.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi BVH (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với				Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với			
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																		
VN-Index	1,801.7 ▼	-0.8%	-0.5%	1.9%	17,888.9 ▲	36.7%	20.2%	-2.7%	727.0 ▲	20.6%	22.3%	-7.3%						
HNX-Index	276.5 ▼	-0.2%	1.2%	-2.7%	612.9 ▼	-6.8%	-17.0%	-45.5%	41.6 ▼	-3.9%	-9.8%	-42.0%						
UPCOM-Index	126.0 ▼	-0.1%	0.0%	-1.2%	416.3 ▬	0.7%	-44.8%	-14.3%	30.3 ▲	50.2%	-14.5%	-20.1%						
VN30	1,954.9 ▼	-0.5%	0.0%	1.4%	10,143.2 ▲	49.3%	21.8%	0.5%	301.7 ▲	58.0%	24.0%	-9.3%						
VNMID	1,895.5 ▬	0.5%	2.1%	-3.1%	5,925.7 ▲	18.5%	15.9%	-15.9%	292.4 ▲	7.6%	10.7%	-20.5%						
VNSML	1,240.7 ▬	0.5%	1.4%	-1.8%	1,510.8 ▲	70.8%	34.4%	57.4%	68.3 ▲	17.0%	-7.4%	-6.4%						
Theo ngành (VNIndex)																		
Ngân hàng	635.7 ▬	0.3%	0.35%	0.8%	6,695.4 ▲	71.8%	10.8%	35.4%	280.8 ▲	45.4%	7.6%	29.0%						
Bất động sản	1,003.0 ▼	-2.5%	-2.3%	8.0%	2,476.1 ▲	56.9%	-23.1%	-20.7%	85.5 ▲	39.9%	-3.8%	-2.7%						
Dịch vụ tài chính	270.7 ▼	-0.4%	1.3%	-7.0%	1,448.6 ▬	0.1%	-32.1%	-26.1%	80.6 ▼	-9.2%	-32.7%	-27.0%						
Công nghiệp	235.3 ▲	1.2%	4.5%	0.3%	1,696.7 ▲	46.1%	47.4%	91.7%	49.2 ▲	6.4%	15.8%	41.6%						
Tài nguyên cơ bản	465.2 ▼	-0.4%	0.4%	-2.9%	656.3 ▲	138.4%	13.1%	25.7%	34.2 ▲	118.7%	11.2%	20.6%						
Xây dựng - Vật Liệu	154.8 ▬	0.6%	2.6%	-2.9%	506.4 ▲	10.6%	27.7%	34.4%	27.5 ▲	8.0%	14.1%	16.8%						
Thực phẩm	494.3 ▼	-0.8%	0.2%	-1.7%	1,312.7 ▲	6.1%	4.4%	36.6%	33.1 ▲	19.5%	13.4%	36.2%						
Bán Lẻ	1,414.9 ▲	1.3%	3.6%	-1.7%	840.0 ▲	76.7%	38.6%	55.2%	12.1 ▲	65.6%	32.0%	43.1%						
Công nghệ	391.1 ▼	-0.7%	-1.4%	0.7%	335.0 ▼	-28.5%	-52.1%	-40.9%	5.4 ▼	-51.4%	-50.9%	-47.5%						
Hóa chất	169.6 ▬	0.1%	0.6%	1.8%	373.4 ▲	37.2%	9.9%	4.2%	15.4 ▲	22.8%	4.6%	10.5%						
Tiện ích	776.3 ▼	-0.5%	-0.7%	2.0%	282.6 ▲	32.4%	-4.1%	-3.2%	11.6 ▲	12.7%	4.5%	-1.9%						
Dầu khí	120.4 ▼	-0.2%	0.3%	10.5%	635.3 ▼	-5.8%	-21.48%	1.0%	23.7 ▲	2.5%	-16.3%	5.1%						
Dược phẩm	391.2 ▼	-0.3%	2.0%	0.7%	30.3 ▼	-81.8%	-76.7%	-60.3%	1.0 ▼	-74.2%	-72.6%	-64.8%						
Bảo hiểm	108.0 ▼	-0.4%	-1.4%	4.4%	54.0 ▼	-22.2%	-17.2%	19.6%	0.9 ▼	-12.1%	-13.3%	13.9%						

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,801.7 ▼	-0.84%	1.0%	13.8x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,611 ▬	0.39%	27.9%	15.2x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,375 ▲	1.56%	-26.3%	13.9x	1.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,477 ▼	-0.29%	1.4%	15.0x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,795 ▼	-0.33%	-4.3%	8.7x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,937 ▼	-0.39%	-0.8%	17.0x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	24,834 ▼	-1.01%	-3.1%	12.3x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	65,019	-	29.2%	20.7x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,765 ▼	-0.001%	13.4%	26.6x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	51,864 ▼	-0.36%	7.9%	22.7x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,720 ▬	0.11%	7.9%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,315 ▼	-0.15%	9.0%	17.2x	2.5x
DXV		100.9 ▬	0.42%	2.6%		
USDVND		26,002 ▼	-0.050%	-1.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

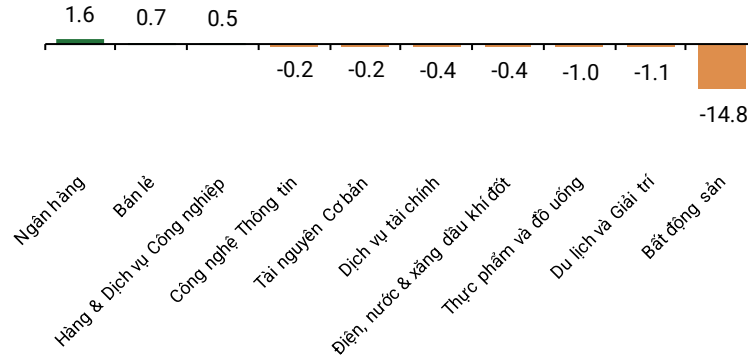
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.17%	5.0%	62.8%	46.5%
Dầu WTI	▼	-1.00%	3.0%	56.2%	41.5%
Khí gas	▲	1.8%	8.8%	-18.1%	5.7%
Than cốc (*)	▬	0.0%	26.6%	48.6%	54.0%
Thép HRC (*)	▬	0.0%	1.0%	1.5%	-3.2%
PVC (*)	▬	0.2%	2.8%	4.0%	-2.5%
Phân Urea	▬	0.0%	20.0%	27.0%	18.5%
Cao su thiên nhiên	▲	3.3%	7.3%	38.8%	45.6%
Bông Cotton	▬	0.8%	-7.8%	25.0%	24.5%
Đường	▼	-0.2%	-0.3%	17.0%	12.1%
World Container Index	▬	0.0%	-0.6%	103.4%	135.2%
Baltic Dirty tanker Index	▲	1.3%	71.7%	291.0%	359.2%
Vàng	▼	-1.04%	-6.2%	-0.1%	14.7%
Bạc	▼	-2.70%	-5.4%	-8.9%	48.3%

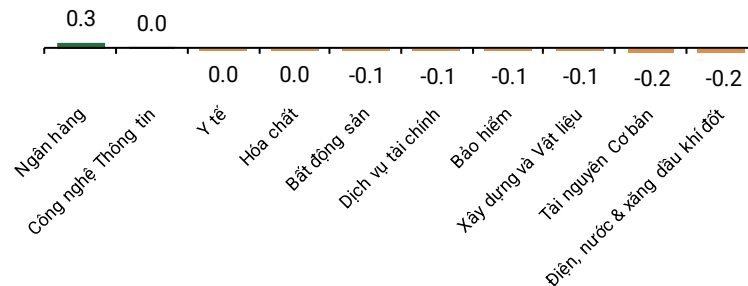
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

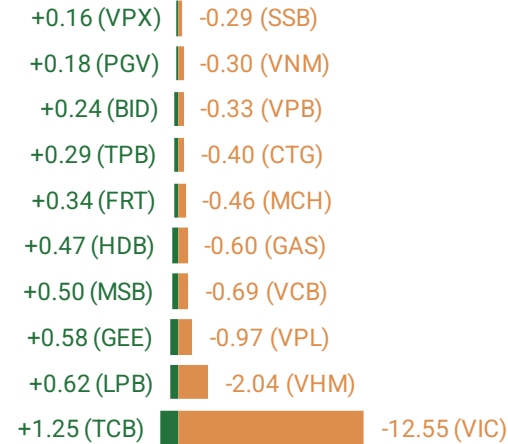
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



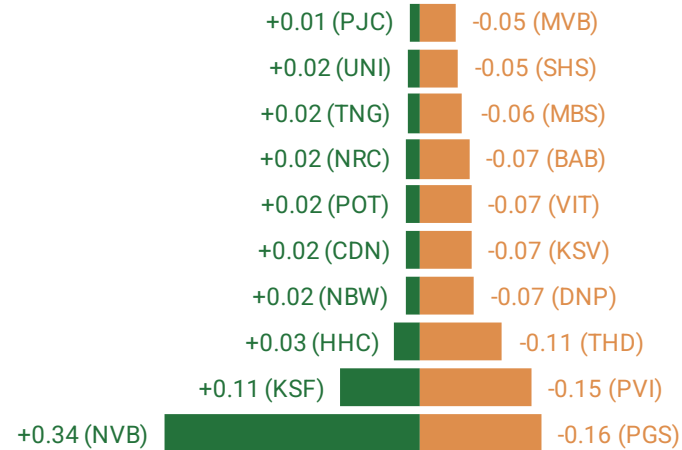
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

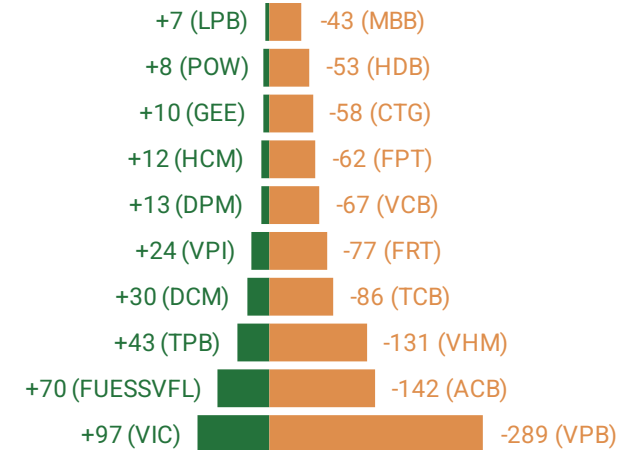


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

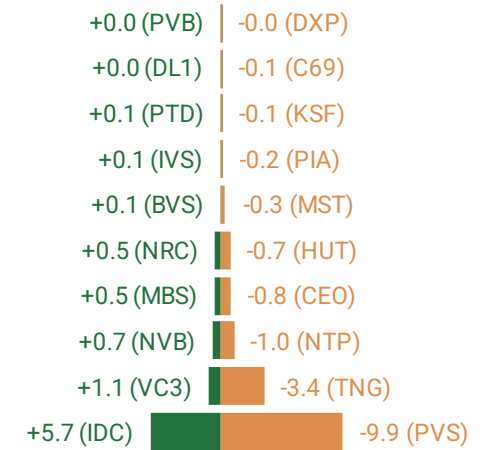


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	TCB	VIC	VPB	HDB	VHM
%DoD	2.6%	-3.2%	-0.7%	1.6%	-1.7%
Giá trị	1,289	734	726	580	465

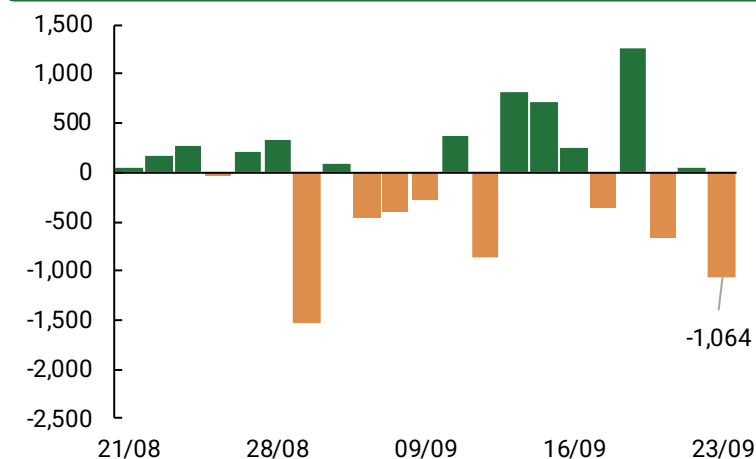
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	HAH	STB	MSN	HPG	NVL
%DoD	1.3%	0.3%	-0.7%	-0.5%	-2.0%
Giá trị	722	485	398	283	254

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



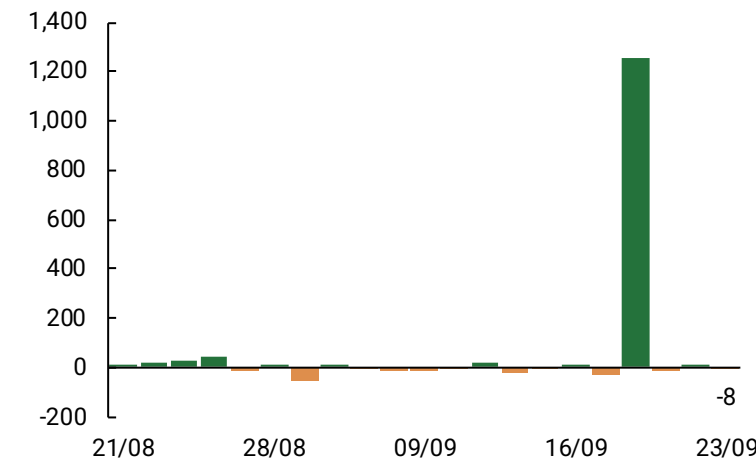
	PVS	SHS	CEO	MBS	IDC
%DoD	0.0%	-0.7%	-0.9%	-0.6%	0.0%
Giá trị	80	48	34	28	26

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	DNP	HMH	MBS	MEL
%DoD	0.0%	-4.3%	2.2%	-0.6%	0.0%
Giá trị	133	25	8	7	4

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến đỏ thân lớn, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 | 1770.
- ✓ Kháng cự: 1840 | 1900.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố đà đi lên.

Kịch bản: Sắc đỏ trở lại chi phối thị trường. Chỉ số nhìn chung vẫn giữ trạng thái đi ngang, tiếp tục kiểm định cung cầu quanh vùng 1800 điểm. Hai biên quan trọng cần theo dõi là ngưỡng 1840 điểm ở phía trên và 1775 điểm ở phía dưới, tương ứng với khu vực kháng cự và hỗ trợ mạnh của vận động hiện tại.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến đỏ thân lớn, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1860 | 1920
- ✓ Kháng cự: 1990 | 2050.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố đà đi lên.
- ✓ **Kịch bản:** Sắc đỏ trở lại chi phối giao dịch. VN30 nhìn chung vẫn giữ trạng thái đi ngang, tiếp tục kiểm định cung cầu quanh vùng 1950 điểm. Hai biên quan trọng cần theo dõi là ngưỡng 1990 điểm ở phía trên và 1920 điểm ở phía dưới, tương ứng với khu vực kháng cự và hỗ trợ mạnh của vận động hiện tại.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	BVH	WATCH	Current price	69.30	P/E (x)	17.4
Exchange	HOSE		Watch zone	67 - 68	P/B (x)	2.0
Sector	Life Insurance		Target price	74	EPS	3976.5
			Cut loss price	64.5	ROE	12.1%
					Stock Rating	BB
					Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên ngưỡng MA10, 20 ngày.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền cải thiện.
 - Chỉ báo MACD duy trì trên đường signal, cùng với RSI vận động trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
- ➔ Xu hướng giá đã vượt vùng cản 68 và đang hạ nhiệt kiểm định.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá điều chỉnh về khu vực 67 – 68, nếu phản ứng kiểm định tốt có thể cân nhắc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	BVH	Theo dõi	24/09/2026	69.3	67 - 68	-	74	9.6%	64.5	-4.4%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	PLX	Mua	15/09/2026	-	36.4	36.2 - 36.7	-0.1%	40	9.7%	34.6	-5.1%	
2	PVD	Mua	15/09/2026	-	19	19.2 - 19.5	-1.8%	21.5	11.1%	18.3	-5.4%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1950, giảm 12.9 điểm (-0.7%). Giá giữ đà phục hồi trong phiên sáng nhưng áp lực điều chỉnh đã trở lại chiếm ưu thế hơn trong phiên chiều.
- Ở đồ thị 1 giờ**, giá tạo mẫu hình nền giảm Marubozu, bên cạnh chỉ báo MACD đã cắt xuống đường signal, cùng với RSI giảm về dưới ngưỡng trung bình, hàm ý áp lực điều chỉnh trở lại chi phối. Tuy nhiên, khu vực quanh ngưỡng 1950 cũng là vùng hỗ trợ, có thể xuất hiện phục hồi kỹ thuật. Vị thế Short nên chờ giá hồi và suy yếu dưới ngưỡng 1948. Vị thế Long cân nhắc khi giá củng cố được trên ngưỡng 1965
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1855.4, giảm 5.9 điểm (+0.9%). Độ lệch basis 4.6 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 119 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1850 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1870 điểm.

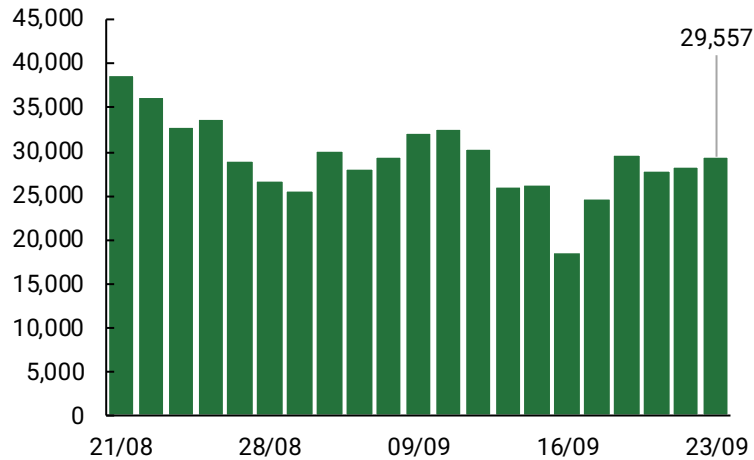
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1965	1980	1957	15 : 8
Short	< 1948	1934	1955	14 : 7

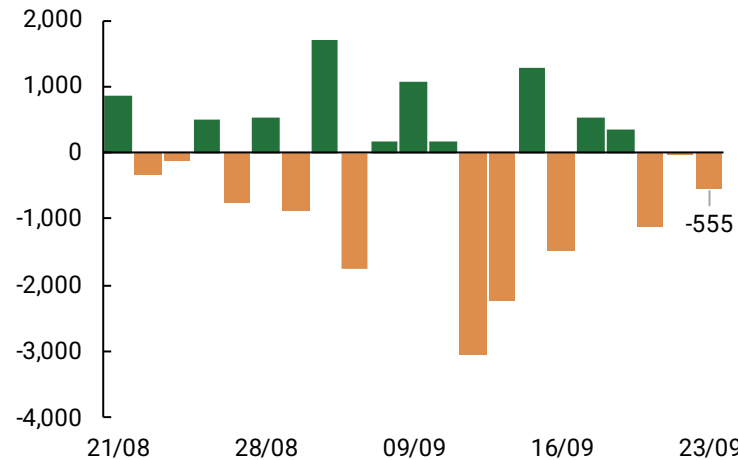
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,951.0	-9.5	39	296	1,971.7	-20.7	18/03/2027	176
4111GC000	1,951.9	-12.3	68	696	1,963.0	-11.1	17/12/2026	85
4111GB000	1,951.4	-9.6	342	473	1,960.3	-8.9	19/11/2026	57
4111GA000	1,950.0	-12.9	258,960	29,557	1,957.0	-7.0	15/10/2026	22
4112GA000	1,855.4	-5.9	119	81	1,852.8	2.6	15/10/2026	22

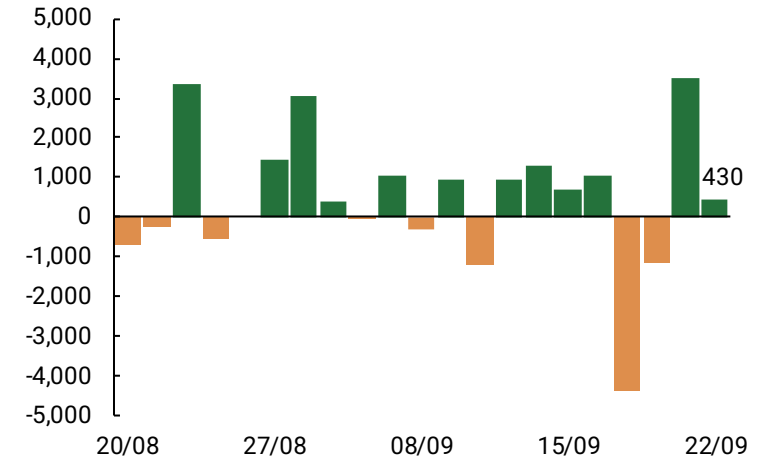
Khối lượng mở (Open interest)



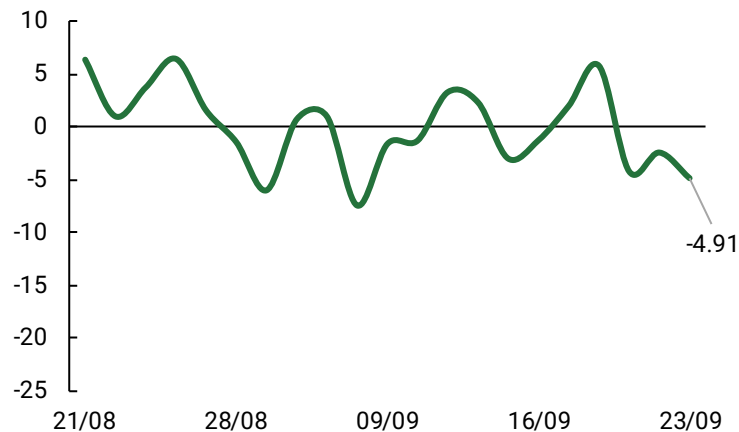
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



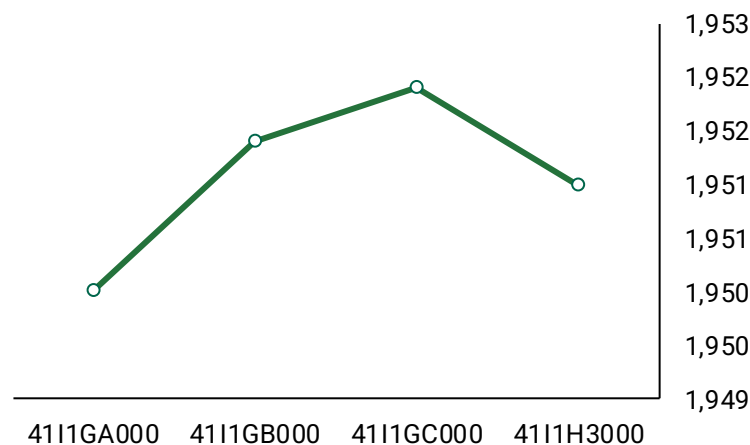
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



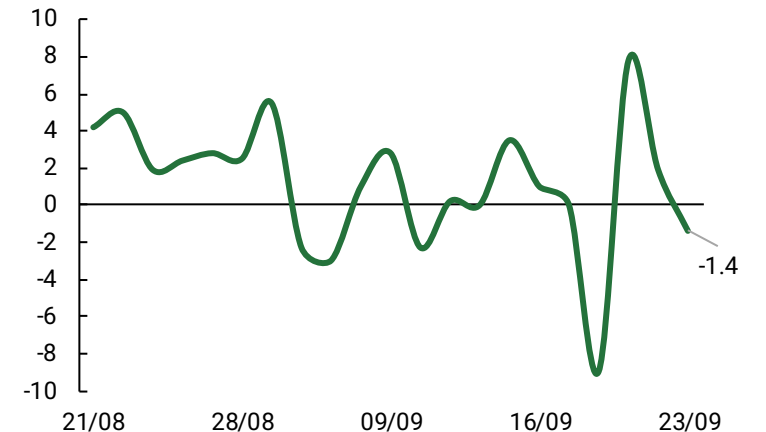
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



01/09	Mỹ, Việt Nam – Chỉ số PMI Việt Nam – Danh mục MSCI có hiệu lực
03/09	Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 8/2026
04/09	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/09	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
10 – 11/09	Mỹ – Chỉ số PPI, CPI EU – ECB công bố lãi suất
12/09	Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục
15/09	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
17/09	Mỹ – Fed công bố lãi suất Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
21/09	Trung Quốc – Lãi suất LPR Việt Nam – Chính thức nâng hạng FTSE Russell
24/09	Thượng đỉnh Mỹ - Trung Thụy Sĩ – SNB công bố lãi suất
30/09	Mỹ – GDP Q2 lần 3, Chỉ số PCE

THÔNG TIN VĨ MÔ

ADB nâng dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2026 lên 7.8%: Trong Báo cáo Triển vọng Phát triển Châu Á tháng 9, ADB nâng dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2026 từ 7.2% lên 7.8% và năm 2027 từ 7% lên 7.6%. Mức dự báo năm 2026 cao hơn Indonesia, Malaysia, Philippines và Thái Lan. ADB đồng thời nâng dự báo lạm phát Việt Nam năm 2026 từ 4% lên 4.3%, trong bối cảnh sản xuất, đầu tư công, FDI và nhu cầu trong nước tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng.

Dự án xanh, kinh tế tuần hoàn được hỗ trợ giảm 2% lãi vay: Chính phủ ban hành hướng dẫn xác định dự án xanh, dự án kinh tế tuần hoàn và khung tiêu chuẩn ESG để triển khai cơ chế hỗ trợ giảm 2% lãi vay mỗi năm. Có 19 loại hình dự án được xét tiêu chí tuần hoàn và 45 loại hình thuộc danh mục xanh, gồm sản xuất xe điện, năng lượng mặt trời, điện sinh khối, tái chế nhựa và khu công nghiệp sinh thái. Danh sách dự án xanh tại địa phương sẽ được cập nhật định kỳ hai lần mỗi năm.

Giá dầu giảm xuống dưới 100 USD/thùng sau đàm phán Mỹ - Iran: Cuộc đàm phán trực tiếp kéo dài khoảng 3 giờ giữa Mỹ và Iran đã làm gia tăng kỳ vọng về giải pháp ngoại giao cho xung đột Trung Đông. Giá dầu Brent giao tháng 11 giảm 0.75% xuống 98.51 USD/thùng, trong khi WTI giảm 1.03% xuống 89.59 USD/thùng. Đây là diễn biến đáng chú ý sau giai đoạn giá dầu vượt 100 USD/thùng và hoạt động vận chuyển qua Hormuz bị gián đoạn mạnh.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

HPG - Hợp tác nghiên cứu sản xuất ray đường sắt: Hòa Phát Dung Quất và Viện Công nghệ thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng ký biên bản ghi nhớ hợp tác nghiên cứu, làm chủ công nghệ sản xuất ray và phụ kiện đường sắt. Hòa Phát sẽ hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và hướng tới sản xuất công nghiệp quy mô lớn, thương mại hóa sản phẩm. Nhà máy sản xuất ray đường sắt và thép đặc biệt Hòa Phát Dung Quất đã hoàn thành gần 70% khối lượng xây dựng sau 9 tháng thi công, dự kiến cho ra sản phẩm ray đầu tiên vào quý I/2027.

HDB - Được chấp thuận tăng vốn lên trên 72,000 tỷ đồng: HDBank được NHNN chấp thuận tăng vốn điều lệ thêm tối đa hơn 22,015 tỷ đồng, từ hơn 50,053 tỷ đồng lên 72,069 tỷ đồng. Ngân hàng dự kiến phát hành hơn 1.25 tỷ cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 25%, hơn 250 triệu cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 5% và chào bán riêng lẻ 700 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư chuyên nghiệp.

HDC - Dự thu 1,050 tỷ đồng từ chuyển nhượng Hodeco Seavillage: Hodeco thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ dự án Hodeco Seavillage tại khu vực Vũng Tàu với giá dự kiến 1,050 tỷ đồng. Dự án có diện tích khoảng 2.58 ha, được doanh nghiệp theo đuổi khoảng 15 năm nhưng đến nay vẫn chưa triển khai xây dựng do vướng thủ tục pháp lý và điều chỉnh quy hoạch. Nếu hoàn tất, đây sẽ là thương vụ thoái vốn dự án lớn thứ hai của HDC trong thời gian gần đây.

NVB/PLX - Hợp tác chiến lược hệ sinh thái năng lượng - tài chính: Ngân hàng TMCP Quốc Dân và Petrolimex ký thỏa thuận hợp tác chiến lược toàn diện nhằm triển khai các giải pháp tài chính - ngân hàng cho Petrolimex và các đơn vị thành viên. Theo thỏa thuận, NCB sẽ cung cấp giải pháp tối ưu nguồn vốn, quản trị dòng tiền và hỗ trợ nhu cầu tài chính cho hệ sinh thái Petrolimex.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	31,300	31,150	-0.5%	Giảm tỷ trọng
CTG	30,700	40,700	32.6%	Mua
CTD	58,500	82,900	41.7%	Mua
DBD	46,250	66,000	42.7%	Mua
DDV	16,608	35,900	116.2%	Mua
DGW	46,550	47,500	2.0%	Nắm giữ
DPG	27,900	42,300	51.6%	Mua
DPR	38,450	46,500	20.9%	Mua
DRI	14,343	17,200	19.9%	Tăng tỷ trọng
EVF	11,450	14,400	25.8%	Mua
FRT	140,100	151,000	7.8%	Nắm giữ
GMD	77,800	88,900	14.3%	Tăng tỷ trọng
HAH	48,950	58,300	19.1%	Tăng tỷ trọng
HDG	16,200	30,900	90.7%	Mua
HHV	9,300	11,700	25.8%	Mua
HPG	21,050	31,600	50.1%	Mua
IMP	37,000	54,400	47.0%	Mua
KDH	15,850	38,800	144.8%	Mua
MCH	141,700	148,500	4.8%	Nắm giữ
MWG	73,200	115,600	57.9%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	20,000	27,500	37.5%	Mua
NLG	23,200	39,400	69.8%	Mua
NT2	21,200	27,700	30.7%	Mua
PHR	31,650	39,500	24.8%	Mua
PNJ	35,300	75,500	113.9%	Mua
PVS	33,200	33,250	0.2%	Nắm giữ
PVT	23,100	26,000	12.6%	Tăng tỷ trọng
POW	12,750	17,500	37.3%	Mua
SAB	44,200	54,900	24.2%	Mua
SSI	20,850	31,200	49.6%	Mua
TLG	54,700	50,000	-8.6%	Giảm tỷ trọng
TCB	33,150	41,700	25.8%	Mua
TCM	15,950	35,300	121.3%	Mua
TRC	22,000	22,950	4.3%	Nắm giữ
VCB	58,500	79,700	36.2%	Mua
VPB	27,800	36,500	31.3%	Mua
VCG	14,250	23,300	63.5%	Mua
VHC	50,300	58,000	15.3%	Tăng tỷ trọng
VNM	60,500	66,650	10.2%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801